Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2829.90.10

Mã HS	2829.90.10
Mô tả hàng hóa	Clorat và perclorat; bromat và perbromat; iodat và periodat / - Loại khác: / - - Natri perclorat
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 03:21:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/28299010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3600
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3600
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3600
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3568
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3529
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3529
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3529
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3529
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3529
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3529
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3567
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3567

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3567
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3567
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3567
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3567
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3571
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3571
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3571
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3571
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3571
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3571
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3571
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3535
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3531
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3531
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3531
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3531
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3531
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3531
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3531
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3531
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3531
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3531
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3531
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3531
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3578
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3578

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3578
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3578
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3578
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3578
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3575
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3575
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3575
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3575
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3575
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3575
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3583
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3583
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3583
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3583
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3583
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3583
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3554
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3554
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3554
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3554
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3554
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3554
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3556
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3556
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3556
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3556

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3556
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3556
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3554
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3554
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3554
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3554
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3554
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3554
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3554
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3575
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3575
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3575
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3575
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3575
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3575
RCEP B	2022	2022	0	B!D3575
RCEP B	2023	2023	0	B!E3575
RCEP B	2024	2024	0	B!F3575
RCEP B	2025	2025	0	B!G3575
RCEP B	2026	2026	0	B!H3575
RCEP B	2027	2027	0	B!I3575
RCEP C	2022	2022	0	C!D3575
RCEP C	2023	2023	0	C!E3575
RCEP C	2024	2024	0	C!F3575
RCEP C	2025	2025	0	C!G3575
RCEP C	2026	2026	0	C!H3575

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3575
RCEP D	2022	2022	0	D!D3575
RCEP D	2023	2023	0	D!E3575
RCEP D	2024	2024	0	D!F3575
RCEP D	2025	2025	0	D!G3575
RCEP D	2026	2026	0	D!H3575
RCEP D	2027	2027	0	D!I3575
RCEP E	2022	2022	0	E!D3578
RCEP E	2023	2023	0	E!E3578
RCEP E	2024	2024	0	E!F3578
RCEP E	2025	2025	0	E!G3578
RCEP E	2026	2026	0	E!H3578
RCEP E	2027	2027	0	E!I3578
RCEP F	2022	2022	0	F!D3575
RCEP F	2023	2023	0	F!E3575
RCEP F	2024	2024	0	F!F3575
RCEP F	2025	2025	0	F!G3575
RCEP F	2026	2026	0	F!H3575
RCEP F	2027	2027	0	F!I3575
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3282
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3282
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3282
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3282

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2829.90 có 2 dòng thuế; dòng 2829.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Natri perclorat.	2829.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2829.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2829.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3600), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.